TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Rót Tha;

2. Ông Chau Sơn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn G – Trưởng phòng giao dịch chi nhánh Tri Tôn; địa chỉ: Số 82 Trần Hưng Đạo, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền số 3372/2022/GUQ-PL ngày 26/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn G là ông Lê T, chức vụ: Phó phòng giao dịch huyện Tri Tôn (theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2023).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 20, khóm N, thị trấn B,

huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông T có mặt, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số LD1803800008 ngày 07/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tri Tôn (PGD Tri Tôn) với bà Phạm Đ. Theo đó Ngân hàng có cho bà Đ vay vốn với tổng số tiền vay là 100.000.000đ. Nội dung chi tiết như sau: Số tiền vay: 100.000.000đ; mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi bò. Giấy nhận nợ số LD1900400074, ngày 04/01/2019, ngày đáo hạn: 04/01/2020, số tiền nhận nợ: 100.000.000đ; lãi suất: 10.5%/năm; phương thức trả nợ: lãi hàng tháng, vốn cuối kỳ. Tài sản bảo đảm: (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD1803800008 ngày 07/02/2018, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tri Tôn (PGD Tri Tôn) với Bà Đ. Toàn bộ lô đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSHNỞ và TSKGLVĐ số: CS04550; thửa đất số: 57; tờ bản đồ số: 14; diện tích: 202,3m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường An Giang cấp ngày 19/01/2018 cho bà Phạm Đ đứng tên sử dụng. Khu đất tọa lạc tại: TT B, huyện T, tỉnh An Giang. Từ khi nhận nợ, từ ngày 04/01/2019 đến ngày 04/01/2020 bà Đ đã thanh toán được số tiền vốn 47.200.000đ và lãi là 10.224.722đ. Tuy nhiên, từ ngày 05/01/2020 đến nay, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình cho Ngân hàng, việc này đã vi phạm các Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng không có kết quả. Tính từ ngày 05/01/2020 đến hết ngày 27/6/2023. Bà Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền vốn và lãi là: 91.956.051đ. Trong đó: Vốn: 52.800.000đ. Lãi trong hạn: 24.298.994đ; lãi quá hạn: 12.149.497đ; lãi phạt: 2.707.560đ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết buộc bà Phạm Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) với tổng số tiền 91.956.051đ và Ngân hàng được tiếp tục tính lãi từ ngày 28/6/2023 cho đến khi bà Đ trả hết nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp của bà Phạm Đ theo hợp đồng thế chấp đã ký để đảm bảo thi hành án.

- Bị đơn bà Phạm Đ: Không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ

thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Buộc bị đơn bà Đ trả tổng tiền vốn và lãi suất tính từ ngày 05/01/2020 đến hết ngày 27/6/2023 là 91.956.051đ. Trong đó: Vốn: 52.800.000đ. Lãi trong hạn: 24.298.994đ; lãi quá hạn: 12.149.497đ; lãi phạt: 2.707.560đ và lãi suất tiếp tục phát sinh theo hợp đồng và các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm theo hợp đồng đã ký kết. Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản theo hợp đồng đã ký kết để đảm bảo thi hành án. Bị đơn bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Thời điểm các đương sự xác lập hợp đồng hợp đồng tín dụng số LD1803800008 ngày 07/02/2018, nơi cư trú của bị đơn bà Đ trú tại tổ 20, khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 18 tháng 5 năm 2023, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Bị đơn bà Đ đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đ.

[3] Về thủ tục ủy quyền: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ủy quyền cho ông Lê T theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2023 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Về chứng cứ chứng minh: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án có tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 44/TB-TLVA ngày 28 tháng 3 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn bà Đ. Nhưng bà Đ không cung cấp các tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án: Về yêu cầu trả vốn vay số tiền 52.800.000đ theo hợp đồng tín dụng số LD1803800008 ngày 07/02/2018. Xét thấy, các đương sự hoàn toàn tự nguyện xác lập hợp đồng tín dụng và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng, phù hợp với quy định tại

Điều 116, khoản 1 Điều 119; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bà Đặng là có thật và hợp pháp. Quá trình vay vốn từ ngày 04/01/2019 đến ngày 04/01/2020 bà Đ đã thanh toán được số tiền vốn 47.200.000đ và lãi là 10.224.722đ. Tổng cộng 55.424.722đ cho Ngân hàng, nhưng tính từ ngày 05/01/2020 đến nay ngày 27/6/2023 thì ngưng không trả vốn, lãi.

[6] Về lãi suất: Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD1803800008 ngày 07/02/2018. Căn cứ giấy số LD1900400074, ngày 04/01/2019, ngày đáo hạn: 04/01/2020 và Thông báo về việc thay đổi lãi suất số 2706/2023/TB-PGDTT ngày 27/6/2023 thì bà Đ là người vay đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán làm phát sinh thêm khoản nợ quá hạn nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vốn lãi theo hợp đồng đã ký kết. Số tiền bà Đ còn nợ Ngân hàng tạm tính từ ngày 05/01/2020 đến hết ngày 27/6/2023 là 91.956.051đ (Trong đó, vốn gốc 52.800.000đ. Lãi trong hạn: 24.298.994đ; lãi quá hạn: 12.149.497đ; lãi phạt: 2.707.560đ). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đ trả số tiền vốn, lãi 91.956.051đ (tạm tính đến ngày 27/6/2023) là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận. Đồng thời, bà Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1803800008 ngày 07/02/2018 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín(Sacombank) - Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Tri Tôn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ của hợp đồng tín dụng trên.

[7] Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số LD1803800008 ngày 07/02/2018, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tri Tôn (PGD Tri Tôn) với bà Đ.

[8] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Đặng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 86; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116; khoản 1 Điều 119; Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Phạm Đ về vốn vay và lãi suất tính đến hết ngày 27/6/2023 là 91.956.051đ.

[2] Buộc bà Phạm Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền vốn là 52.800.000đ và tiền lãi phát sinh đến hết ngày 27/6/2023. Lãi trong hạn: 24.298.994đ; lãi quá hạn: 12.149.497đ; lãi phạt: 2.707.560đ.

[3] Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số LD1803800008 ngày 07/02/2018, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tri Tôn (PGD Tri Tôn) với bà Đ. Toàn bộ lô đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSHNỞ và TSKGLVĐ số: CS04550; thửa đất số: 57; tờ bản đồ số: 14; diện tích: 202,3m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường An Giang cấp ngày 19/01/2018 cho bà Phạm Đ đứng tên sử dụng. Khu đất tọa lạc tại: TT Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đối với số tiền bà Đ chưa thi hành án.

[4] Kể từ ngày 28/6/2023 bà Phạm Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số LD1803800008 ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu 4.597.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang (PGD Tri Tôn) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.079.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0009938 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THA huyện Tri Tôn;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Sơn Thị Thúy Liễu